

VẤN ĐỀ CÔNG LÝ TRONG TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ CỦA CHỦ NGHĨA CỘNG ĐỒNG PHƯƠNG TÂY ĐƯƠNG ĐẠI

NGUYỄN HÙNG VƯƠNG*
MAI THỊ HỒNG LIÊN**

Từ khóa: công lý, cộng đồng, chủ nghĩa cộng đồng, triết học chính trị.

Ngày nhận bài: 11/5/2021; *ngày gửi phản biện:* 12/5/2021; *ngày duyệt đăng bài:* 02/8/2021.

1. Đặt vấn đề

Thuật ngữ “communitarianism” được sử dụng lần đầu tiên vào năm 1841 bởi John Goodwyn Barmby (1820 - 1881) - người sáng lập Hiệp hội cộng đồng toàn cầu, đề cập đến những triết lý cộng đồng của những người quan tâm đến sự phát triển của các cộng đồng có chủ đích và các thử nghiệm cộng đồng. Về sau nó rất hiếm khi được sử dụng trở lại, cho đến những năm 1980, nó được hồi sinh trong các tác phẩm của Michael Sandel, Charles Taylor và Michael Walzer. Đặc biệt là trong những phê bình của Michael Sandel đối với chủ nghĩa tự do mà đại diện là J. Rawls rằng, “chúng ta phải có những công thức chung của cái thiện (the good) thay vì nó chỉ được xác định bởi người này hoặc người kia, hoặc do chính bản thân họ” (Sandel, 2005, tr. 99 - 101). Kể từ đây, các cuộc tranh luận về các chủ đề quyền con người, về mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, công lý và đạo đức trong nền kinh tế thị trường, vốn xã hội,... đã được những người theo chủ nghĩa cộng đồng tổ chức rộng rãi, các bài phê bình và tác phẩm của họ dần dần trở thành lí luận triết học chính trị, hình thành trào lưu triết học chính trị hiện đại ở phương Tây. Tuy nhiên, chủ nghĩa cộng đồng không phải là một trường phái triết học đạt được sự thống nhất chung mà chỉ là tên gọi được đặt ra bởi giới học thuật Anh - Mĩ, và cho đến nay vẫn chưa có sự thống nhất chung về bản chất và nguyên tắc của công lý, ngược lại còn chứa đựng nhiều mâu thuẫn.

Đối với quan điểm về công lý, ý kiến của những người theo chủ nghĩa cộng đồng vẫn chưa đạt được sự đồng thuận. Một số người thậm chí còn đi theo xu hướng cực đoan, đưa ra suy nghĩ rằng không cần có công lý, Michael J. Sandel là một người như vậy, ông cho rằng nguyên tắc công lý không cần thiết trong một cộng đồng chân chính. Trong nhiều trường hợp, sự quan tâm tới công lý càng nhiều thì càng phản ánh tình trạng đạo đức ngày càng xấu đi, chứ không phải là biểu hiện đạo đức xã hội được

* TS.; Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng.

** TS.; Học viện Chính trị khu vực III - Đà Nẵng.

nâng lên. Sandel gợi ý, gia đình chính là một kiểu xã hội không cần công lý¹. Tuy nhiên, phần lớn những người theo chủ nghĩa cộng đồng đều thừa nhận tầm quan trọng của công lý, họ phê phán chủ nghĩa tự do đã giải thích công lý một cách sai lầm như một tiêu chuẩn bên ngoài mang tính phi lịch sử, đồng thời đưa ra quan điểm về công lý của riêng mình.

Chủ nghĩa cộng đồng là một trường phái triết học chính trị điển hình cho sự chỉ trích quan điểm công lý của chủ nghĩa tự do (cụ thể là quan điểm của J. Rawls). Trên cơ sở chỉ trích quan điểm của chủ nghĩa tự do về việc coi công lý như một quy tắc xã hội mà lợi ích của cá nhân được phân chia công bằng, nó bảo vệ lợi ích cho cá nhân. Chủ nghĩa cộng đồng đã tiếp nối và phát triển những tư tưởng truyền thống về công lý, công bằng xã hội trong lịch sử, đó là tư tưởng công lý phân phối của Aristotles, học thuyết khế ước xã hội của Jean-Jacques Rousseau, John Locke và đặc biệt là tư tưởng đạo đức của Immanuel Kant để xây dựng nên hệ thống quan điểm về công lý của riêng mình, khác với quan điểm của chủ nghĩa tự do (Bell, 1993, tr. 147).

M. Sandel và C. Taylor tin rằng quan điểm của Rawls coi công lý như công bằng là tiên nghiệm (a priori), công lý mang ý nghĩa là quy tắc xã hội đã có hạn chế nhất định. Theo hai ông, công lý mang hai tầng ý nghĩa, vừa có ý nghĩa là nguyên tắc, nhưng nó còn có ý nghĩa là đức hạnh. Chính vì vậy, việc chủ nghĩa tự do chỉ đề cập và nhấn mạnh công lý với ý nghĩa là nguyên tắc xã hội là một hạn chế cần phải khắc phục. Sandel cho rằng, trong nhiều trường hợp, nếu càng nhấn mạnh công lý như một quy tắc xã hội thì càng phản ánh tình trạng xuống cấp của đạo đức xã hội, chứ không phải là biểu hiện đạo đức xã hội ngày càng được nâng lên (Sandel, 1984, tr. 34). Theo ông, trong các cộng đồng chân chính thì không nhất thiết phải cần đến công lý, gia đình chính là một kiểu cộng đồng không cần công lý. Đối với Sandel, công lý theo nghĩa là nguyên tắc sẽ làm giảm đi tình yêu thương, sự chia sẻ, đồng cảm và lòng khoan dung trong gia đình, ngược lại còn làm tăng mâu thuẫn vì sự rạch ròi và cứng nhắc của nó (Sandel, 1984, tr. 36 - 38).

2. Công lý là đức hạnh

J. Rawls là người đầu tiên coi “công lý là lẽ phải, điều thiện và là phẩm hạnh tối cao của con người, là sự công bằng và công lý chính là chuẩn mực của một xã hội lí tưởng”,

¹ Trong bài phỏng vấn giữa Nigel Warburton và M. Sandel về chủ đề công lý. M. Sandel đã thảo luận và trả lời các câu hỏi của Nigel Warburton như: Công lý là gì?; Tại sao công lý là vấn đề trọng tâm của các cuộc thảo luận chính trị đương đại? Quan điểm của các nhà triết học như Kant, Bentham và J. Rawls về khái niệm công lý ra sao?;... Toàn bộ nội dung cuộc phỏng vấn này được đăng tải tại địa chỉ: (<https://www.prospectmagazine.co.uk/magazine/interview-michael-sandel-on-justice-bbc4-justice-citizens-guide>).

đối với Rawls: “Công lý là công bằng”² (Rawls, 1971, tr. 3), nhưng J. Rawls chưa phải là người đầu tiên đưa ra quan niệm như vậy, Plato đã thảo luận vấn đề này từ rất sớm. Trong *Cộng hòa*, Plato cho rằng “công lý như là một đức tính tốt đẹp bao trùm cả cá nhân và xã hội” (Woodruff, 2018, tr. 21), do đó mọi vấn đề mà ông coi là đức hạnh thì đều liên quan đến công lý. Quan niệm như vậy đã được M. Sandel, M. Walzer và cả C. Taylor sử dụng để thảo luận về công lý. Theo C. Taylor, công lý là một phần của tính cách, đạo đức của cá nhân, là cầu nối giữa những đức tính tốt đẹp trong tâm hồn cá nhân với con người xã hội (Schmidtz and Thrasher, 2014, tr. 78 - 82), là sự tôn trọng tự do và các quyền cá nhân, sự tôn trọng con người và phẩm giá con người như những mục đích tự thân, đó là một đức hạnh. Công lý giúp mỗi cá nhân thành viên xã hội nuôi dưỡng, bồi đắp một trật tự nội tại, giúp hình thành sự tiết chế và khả năng tự kiểm soát, giữ cho mỗi thành viên trong xã hội không làm hại người khác.

Khi nghiên cứu các vấn đề triết học chính trị đương đại, M. Sandel cho rằng, quan niệm công lý mà chủ nghĩa tự do xây dựng đang chứa đựng nhiều hạn chế, trong rất nhiều trường hợp, sự quan tâm đến công lý (công lý mang ý nghĩa là nguyên tắc) càng nhiều thì đạo đức sẽ càng xấu đi, mà không phải là công cụ để thúc đẩy đạo đức xã hội đi lên theo chiều hướng tốt hơn (Sandel, 1984, tr. 34). MacIntyre cũng tin vào điều đó, cuộc vận động theo đuổi nguyên tắc công lý phổ biến, vĩnh cửu mà phong trào khai sáng đề xuất đã thất bại. Theo ông, nguyên tắc công lý dù toàn diện đến mấy mà nếu chúng ta không có đức hạnh hoặc phẩm giá đạo đức tốt thì nó cũng không thể phát huy vai trò của con người, càng không thể trở thành chuẩn mực hành vi của con người. Ông nói: “Giữa quy tắc và đạo đức tốt có mối liên hệ vô cùng quan trọng, bởi vì chỉ với người có công lý, có đạo đức tốt mới có thể hiểu cách vận dụng được quy tắc” (Sandel, 1984, tr. 34).

Do đó, công lý đúng là một quy tắc xã hội cơ bản trong mối quan hệ chuẩn mực đạo đức giữa con người với con người, nhưng trước tiên nó phải là phẩm chất đạo đức tốt đẹp của cá nhân. Theo cách giải thích của ông và trong Sử thi của Homer, thì ý nghĩa ban đầu của từ “*Công lý*” không chỉ là chỉ một quy tắc hoặc trình tự khách quan bên ngoài, mà quan trọng là dùng để nói đến phẩm chất đạo đức bên trong chủ thể con người, phía sau quy tắc, trình tự ấy. Không có phẩm chất đạo đức, thì quy tắc và trật tự

² Trong tác phẩm *A Theory of Justice* của J. Rawls, ông cho rằng công lý là công bằng. Quan điểm này tạo ra không ít hiểu lầm cho giới nghiên cứu triết học và chính trị trên thế giới. Một số tài liệu tiếng Việt phiên dịch “Justice” là công bằng. Tuy nhiên, tác giả cho rằng, thuật ngữ “công bằng” được dùng trong tiếng Việt có nghĩa hẹp hơn so với tiếng Anh hoặc tiếng Pháp. Ở các quốc gia nói tiếng Anh, “Justice” được hiểu là sự đúng đắn, chính đáng, lẽ phải, công lý, ... và chứa đựng yếu tố tính pháp lí. Do đó, khi nhắc đến “Justice” thì trước tiên phải đề cập đến khía cạnh pháp lí của nó, điều này cũng phù hợp với nội dung và chủ đề nghiên cứu của tác giả.

công lý chỉ có thể tồn tại mà không thể hiện đầy đủ vai trò của nó. Bởi trật tự công lý do con người đặt ra và cũng do con người thực hiện nó, do đó, nếu như không có phẩm chất bên trong con người, hoặc không có đạo đức công lý của con người thì không thể thực hiện các quy tắc và trật tự (MacIntyre, 1984, tr.152). Công lý với ý nghĩa là đạo đức, được phân chia bằng những thứ hoàn mỹ hoặc ưu việt, nó ám chỉ phẩm chất đạo đức của cá nhân, tức là dựa vào tính lương thiện hoặc hết lòng đóng góp những điều tốt đẹp cho cộng đồng mà mỗi người cần phải đạt được để dành cho anh ta những báo đáp tương ứng về phẩm chất đạo đức, đây cũng chính là phẩm chất chính trực, chính nghĩa của con người. Còn công lý với ý nghĩa là quy tắc, được định nghĩa dựa vào mức độ hiệu quả, nó ám chỉ việc tuân thủ và thực hiện những quy tắc một cách hiệu quả trong hợp tác xã hội, tức là phẩm chất tuân theo quy tắc công lý. Điều đặc biệt là, một người “tuân theo những quy tắc công lý, nhưng lại có thể chỉ là một người không chính nghĩa, vì anh ta sợ bị trừng phạt mà tuân theo những quy tắc này (MacIntyre, 1988, tr. 39). Có nghĩa là, quy tắc của công lý và nhận thức tuân theo công lý là khác nhau, con người có thể sẽ tuân theo các quy tắc của công lý, nhưng không phải là điều để chứng minh được anh ta có thể trở thành người chính nghĩa (người đi theo công lý), chỉ là họ sợ bị trừng phạt mà tuân theo công lý.

Chính vì lẽ đó, MacIntyre chủ trương sáp nhập công lý theo nghĩa quy tắc và đạo đức lại với nhau. Ông đã nói, trong Sử thi của Homer đã từng đề cập tới sự sáp nhập giữa công lý và đạo đức. Ở thời cổ đại, công lý bao gồm hai phương diện là quy tắc và đạo đức, cùng với sự thay đổi của xã hội và những đổi mới về lí luận, những mối quan hệ liên quan đến đạo đức và quy tắc cũng thay đổi, ý nghĩa đạo đức bao hàm trong công lý cũng phai dần, chủ nghĩa lý tính xuất hiện từ phong trào Khai sáng cho tới nay đã làm cho quy tắc công lý và đạo đức công lý được phân tách. MacIntyre đã nhận thấy sự thay đổi này trong quan điểm hiện đại về công lý, đồng thời, dự định sẽ sáp nhập giữa công lý và đạo đức lại với nhau (Bloomfield, 2012, tr. 52).

Theo MacIntyre, công lý là khái niệm cốt lõi của đạo đức, tức là công lý với biểu hiện là một kiểu đạo đức cùng tán thành và theo đuổi cái tốt đẹp. Con người chung sống với nhau trong một mối quan hệ qua lại thông qua phương thức sống, đó là sự hợp tác trong những cộng đồng nhất định, do đó, họ cũng sẽ phụ thuộc vào các tổ chức hoặc cộng đồng nhất định để theo đuổi và thực hiện quan điểm về sự tốt đẹp chung. Như vậy thì công lý và quan điểm về sự tốt đẹp luôn liên hệ với nhau, nguyên tắc công lý cần hấp thụ sức mạnh đạo đức của nó từ những giá trị mà con người sùng bái trong truyền thống cộng đồng, giá trị của cộng đồng quy định những gì là chính nghĩa, những gì là không chính nghĩa (Bloomfield, 2012, tr. 57 - 58).

Xét ở một khía cạnh khác, chúng ta có thể khái quát tư tưởng của MacIntyre như sau: Đạo đức cá nhân là điều kiện tiền đề hoặc là điều kiện chủ quan cho công bằng xã hội, do đó, nguyên tắc công lý chỉ có ý nghĩa khi nó đề cập đến những người có

đức hạnh về công lý (đức tính về sự công bằng, lẽ phải hay chính nghĩa), công lý như là đức tính tốt đẹp cho nhân cách, cũng là tiền đề của chế độ công lý. Động cơ chính nghĩa trong các hành vi cá nhân hay phẩm chất chính nghĩa bên trong cá nhân tạo thành điều kiện đạo đức chủ quan mà nguyên tắc công lý xã hội và chế độ công lý được thực thi.

Chủ nghĩa cộng đồng đã cố gắng khôi phục truyền thống Hy Lạp cổ đại về sự thống nhất giữa công lý với ý nghĩa là nguyên tắc xã hội và công lý mang ý nghĩa là đức hạnh, đồng thời tin rằng công lý đạo đức quan trọng hơn so với quan điểm công lý nguyên tắc của chủ nghĩa tự do, điều này cho thấy quan điểm của chủ nghĩa cộng đồng có sự tiến bộ nhất định so với chủ nghĩa tự do về vấn đề công lý. Sandel được cho là người có thái độ kiên quyết trong việc bảo vệ và khôi phục truyền thống công lý có từ Aristotle. Sandel cho rằng, các lí thuyết hiện đại về công lý đã cố gắng tách rời những câu hỏi về công bằng và quyền khỏi lí lẽ và danh dự, giá trị, sự xứng đáng về mặt đạo đức. Họ tìm kiếm các nguyên tắc công lý trung lập với các mục đích (telos) và cho phép mọi người lựa chọn để theo đuổi mục đích của chính mình. Theo Sandel thì, Aristotle đã không tin công lý có thể có vị trí trung lập như vậy. Aristotle tin rằng tranh luận về công lý không tránh khỏi tranh luận về sự vinh danh, giá trị và bản chất của lối sống tốt đẹp. Đối với Aristotle, công lý có nghĩa là cho mọi người những gì họ xứng đáng, trao cho mỗi người cái mà họ đáng được hưởng (Sandel, 2017, tr. 165). Do đó, cách tiếp cận công lý của Sandel là trau dồi đức hạnh và lí luận về những điều tốt đẹp của cộng đồng (Deneulin, 2010, tr. 8). Các câu hỏi về công lý không thể tách rời khỏi các câu hỏi về điều tốt của xã hội và bản chất cuộc sống mà chúng ta đang sống. Mục đích của hoạt động chính trị không chỉ là bảo vệ quyền công dân và bất cứ quyền sống nào mà họ mong muốn, mà để nuôi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp, để tạo thành những người công dân tốt. Sandel cho rằng, công lý là bình đẳng (quan điểm của Rawls) không thể tạo điều kiện tốt nhất cho mọi người theo đuổi một cuộc sống tốt, bởi vì bản sắc cá nhân được cấu thành về mặt xã hội, và một cuộc sống tốt chỉ khả thi nếu mọi người nhận thức được tư cách thành viên của mình trong cộng đồng, và “đề đòi hỏi một ý thức cộng đồng mạnh mẽ, xã hội công bằng thì phải tìm cách khuyến khích, cổ vũ người dân quan tâm đến đoàn thể, một sự cống hiến vì điều tốt cộng đồng” (Sandel, 2010, tr. 393).

Trên cơ sở đó, Sandel gợi ý: “khi các hoạt động chính trị diễn ra tốt đẹp, chúng ta có thể biết điều tốt đẹp đang hiện hữu, nhưng chúng ta không phải là người duy nhất biết được điều đó” (Sandel, 1982, tr. 183). Năm 2005, trong một bài báo viết về triết lý công cộng, Sandel đã viết: “chính trị tự do về quyền phải được từ bỏ một phần vì điều tốt cộng đồng” (Sandel, 2005, tr. 147),... và “việc chủ nghĩa tự do kêu gọi quyền tự do cá nhân và những giá trị rộng lớn của công bằng và bình đẳng đã tạo nên những vấn đề tột tể cả về mặt chiến lược lẫn nguyên tắc. Đất nước và đảng dân chủ sẽ

tốt hơn nếu những người cấp tiến nỗ lực nhiều hơn để truyền cảm hứng cho đa số có được ý thức về điều tốt cộng đồng và biến nó thành nền tảng cho chính sách công và pháp luật dân chủ” (Sandel, 2005, tr. 304) nhằm hồi sinh lẽ sống cộng đồng và đạo đức công cộng.

Trong ba cách tiếp cận về công lý, cụ thể là: (1) nói đến công lý nghĩa là tăng tối đa tiện ích hay phúc lợi - hạnh phúc lớn nhất cho nhiều người nhất; (2) công lý là tôn trọng quyền tự do lựa chọn, cho dù lựa chọn thực sự được đưa ra trong một thị trường tự do cá nhân (quan điểm của chủ nghĩa tự do cá nhân) hoặc lựa chọn giả thuyết rằng, mọi người đưa ra lựa chọn trong trạng thái bình đẳng ban đầu (quan điểm của chủ nghĩa tự do bình quân); (3) đề cập đến công lý là đề cập đến việc trau dồi đức tính và lí luận về điều tốt. M. Sandel cho rằng, ông là người ủng hộ cách tiếp cận thứ ba về công lý, “ủng hộ một biến thể của cách tiếp cận thứ ba” (Sandel, 2010, tr. 388 - 389). Chúng ta có thể hiểu được điều mà Sandel đã lựa chọn. Bởi vì, cách tiếp cận công lý của chủ nghĩa vị lợi có hai khiếm khuyết cơ bản mà chúng ta có thể thấy được. Đầu tiên, họ coi công lý và quyền là vấn đề tính toán thiệt hơn, chứ họ không xem xét nó ở khía cạnh là một nguyên tắc. Hai là, bằng cách cố gắng quy đổi tất cả các giá trị vào một thang đo giá trị chung, nó là “*phẳng*”, bất chấp một điều rằng chúng có những phẩm chất khác biệt. Trong khi đó, chủ nghĩa tự do chỉ giải quyết vấn đề đầu tiên, nhưng họ không giải quyết thấu đáo vấn đề thứ hai. Sandel khẳng định: “Không có một xã hội công bằng đơn giản chỉ bằng cách tối đa lợi ích hay đảm bảo quyền tự do lựa chọn. Để có được một xã hội công bằng, chúng ta phải cùng nhau lí giải về ý nghĩa của lối sống tốt đẹp, và tạo ra một nền văn hóa khoan dung” (Sandel, 2010, tr. 388).

Chủ nghĩa cộng đồng cho rằng, chủ nghĩa tự do chỉ đơn thuần đề xướng một mặt về quy tắc của công lý, đồng thời phương pháp để công lý trung lập trong cái tốt đẹp cũng là một khiếm khuyết, và trên thực tế, công lý mà chủ nghĩa tự do đề xướng là một kiểu chính trị phi đạo đức, điều này nhất định sẽ dẫn tới thiếu hụt tài nguyên đạo đức trong đời sống chính trị, làm cho nó mất đi tính hợp lí trong chính trị và sức mạnh đạo đức của công lý, từ đó trở thành lời hứa suông, là trò chơi chính trị không thực tế. Do đó, các nhà cộng đồng chủ nghĩa tin rằng việc khôi phục truyền thống công lý của Hy Lạp cổ đại, kết hợp giữa công lý và đạo đức là việc làm cần thiết, đồng thời giúp nhận ra tầm quan trọng của đạo đức cá nhân như là một tiến bộ lớn, ít nhất là đối với chủ nghĩa tự do. MacIntyre chủ trương quay trở về chủ nghĩa Aristoteles và chủ nghĩa Thomas của thời kì tiền hiện đại. Tuy nhiên, việc trở về này dường như không phải là một lựa chọn sáng suốt.

3. Công lý là quy tắc

Trong truyền thống triết học về quyền tự nhiên, công lý được hiểu là yêu cầu, đòi hỏi của mỗi cá nhân hoặc nhóm xã hội được hưởng những gì mà họ xứng đáng là một con người. Theo đó, công lý chính là “đại lượng công bằng” để dàn xếp những

mâu thuẫn, xung đột không thể tránh khỏi xảy ra giữa các thành viên xã hội trên cơ sở nguyên tắc (quy tắc) “trao cho mọi người những gì họ xứng đáng, trao cho mỗi người cái họ đáng được hưởng”, hay đó là nghĩa vụ “hoàn lại, trả lại cho mọi người cái mà họ có quyền được hưởng”, là điểm “quy chiếu chung” của toàn xã hội trong việc phòng ngừa và giải quyết xung đột, duy trì sự hài hòa, ổn định, gắn kết và đồng thuận xã hội.

Đương nhiên, công lý vừa là một phẩm chất đạo đức tốt của cá nhân, đồng thời cũng là một quy tắc. Với những người theo chủ nghĩa cộng đồng như M. Sandel, công lý với ý nghĩa là quy tắc, trước tiên có một quy tắc cơ bản, là nhận thức chung của cộng đồng. Có nghĩa là, dù là quy tắc công lý cụ thể nào cũng phải đạt được nhận thức chung của các thành viên trong cộng đồng mới trở thành quy tắc công lý của cộng đồng đó.

Chủ nghĩa cộng đồng cho rằng, những người theo chủ nghĩa tự do đã hiểu sai về công lý như là một tiêu chuẩn bên ngoài phi lịch sử, và sau đó sử dụng nó để phê bình từng phương thức sinh hoạt của xã hội. Trong luận cứ của M. Walzer cho rằng, theo đuổi lí luận công lý phổ biến như vậy là đi sai hướng. Về cơ bản không tồn tại những tầm nhìn bên ngoài cộng đồng, tách rời công lý ra khỏi văn hóa và lịch sử của chúng ta. Ông viết tiếp, cần phải xác định rõ các yêu cầu của công lý, biện pháp duy nhất chính là làm rõ mỗi cộng đồng riêng biệt để hiểu được các giá trị và điều tốt xã hội. Nếu như phương thức hoạt động của một xã hội ăn khớp với nhận thức chung của các thành viên đã đạt được thông qua các chế độ xã hội và quy định thông thường của xã hội này thì xã hội này chính là công lý (Will Kymlicka, 2001, tr. 382). Do đó, công lý xã hội phải được xây dựng trên cơ sở những hiểu biết chung và được chia sẻ bởi mọi người trong cộng đồng đó.

Walzer cho rằng, tất cả mọi phân phối công bằng hay không công bằng đều căn cứ vào ý nghĩa đời sống xã hội của sản phẩm trong các lĩnh vực riêng biệt. Nhận thức chung đạt được của một cộng đồng xã hội về tính chất sản phẩm được phân phối trong những lĩnh vực cụ thể là có thể buôn bán hay không, có thể tùy ý chiếm đoạt quyền lực hay không, có thể cho phép đạt được thông qua các quan hệ xã hội hay không,... điều đó sẽ quyết định đến nhận thức chung của cộng đồng này là phân phối sản phẩm theo nguyên tắc nào, nhận thức về nguyên tắc trên sẽ đại diện cho quan điểm công lý của cộng đồng. Ví dụ, trong xã hội nước ta không cho phép buôn bán các bộ phận của cơ thể con người, khi một người mắc bệnh nặng không thể cứu chữa, không có tiền đến bệnh viện, thường sẽ nhận được sự đồng cảm rất lớn trong xã hội. Điều này nói lên rằng, với cộng đồng xã hội Việt Nam có nhận thức chung, sức khỏe là “nhu cầu” cơ bản của con người, tức là “sản phẩm” đặc biệt trong lĩnh vực y tế mà không phải là một loại hàng hóa. Tình huống này cũng tồn tại phổ biến trong nhiều lĩnh vực xã hội khác.

Walzer là người đặt nền tảng công lý trong cộng đồng riêng biệt có sự hiểu biết chung, do đó, công lý không thể tách rời vùng liên hệ xã hội của cộng đồng. Nếu như “Công lý cấu thành nhân cách, nói rằng nó chỉ nảy sinh với một phương thức cụ thể thì là điều đáng nghi ngờ. Bản thân nguyên tắc công lý vốn đa dạng về mặt hình thức, sự tốt đẹp. Điều tốt đẹp ở các xã hội khác nhau nên được phân phối bởi các bên khác nhau vì những lí do khác nhau và với những trình tự khác nhau. Tất cả những sự khác biệt này đều đến từ những hiểu biết khác nhau về sự tốt đẹp của xã hội. Đó là một sản phẩm tất yếu của sự phát triển” (Walzer, 1994, tr. 103). Và, nếu như công lý phân phối là phức hợp, vậy thì bình đẳng cũng phức hợp, cũng không phải là đơn nhất. Nhận thức chung của xã hội chúng ta yêu cầu bình đẳng phức hợp - cũng có nghĩa là loại chế độ phân phối như vậy, nó không tính toán làm cho bình đẳng hóa tất cả, mà chỉ là tìm mọi biện pháp bảo đảm cho bất bình đẳng trong một “phạm vi”, giống như của cải sẽ không mở rộng tới phạm vi khác như chăm sóc sức khỏe, quyền lực chính trị. Công dân ở vị trí của một lĩnh vực hoặc đặt trong lợi ích xã hội này sẽ không bị tổn hại trong lĩnh vực khác hoặc lợi ích của xã hội khác. Ví dụ, công dân có thể được so sánh với địa vị chính trị cao hơn, do đó, hai người tuy không bình đẳng trong lĩnh vực chính trị, nhưng chỉ cần địa vị không làm anh ta mất cân đối với lĩnh vực khác sẽ có lợi - giống như dịch vụ y tế tốt, khiến cho đứa trẻ đi học trường tốt, có cơ hội ngành nghề tốt,... Chúng ta thường không cho rằng, đó là điều bất bình đẳng.

Walzer cho rằng, hình thức thể hiện của công lý chính là tính phức hợp của bình đẳng. Bình đẳng không phải là tư cách sở hữu tài sản mà là mối quan hệ phức hợp của con người, trung gian của nó chính là cái tốt đẹp khi chúng ta sản xuất, phân chia và phân phối giữa chúng ta. Bình đẳng phức hợp không phủ nhận sự tồn tại của hiện tượng không bình đẳng, mà là phải thiết lập một cơ chế, khiến cho tiêu chuẩn của lĩnh vực này không thể xâm phạm đến lĩnh vực khác, điều này có thể khiến cho con người dần dần thu hẹp bất bình đẳng trong cạnh tranh và đối thoại. Có thể thấy, công bằng phân phối mà ông hiểu là đa thực thể.

Chủ nghĩa cộng đồng phê phán những hạn chế trong tính phi lịch sử, tính phổ biến trong quan điểm công lý của chủ nghĩa tự do, từ đó, trình bày rõ nguyên tắc công lý của chủ nghĩa cộng đồng không phải là thứ trừu tượng, mà là có tính kế thừa lịch sử và tính hợp lí thực tiễn của nó, về mặt bản chất chúng đều là lịch sử. Giống như quan điểm MacIntyre, tất cả đạo đức hay nguyên tắc và quan niệm chính trị bao gồm cả nguyên tắc công lý đều có sự kế thừa lịch sử, bất cứ quan niệm và phạm trù quan trọng nào về mặt bản chất cũng đều có tính lịch sử. Nói một cách cụ thể, công lý với ý nghĩa là đạo đức không phải là phạm trù trừu tượng, bản chất vốn có của đạo đức chỉ có thể dựa vào bối cảnh lịch sử cụ thể mới có thể được hiểu rõ (MacIntyre, 1984, tr. 191). Truyền thống và cộng đồng xã hội đều quy định bản thân cá nhân và các quy tắc, quan niệm chính trị, đạo đức theo giai đoạn lịch sử, trong đó bao gồm cả công lý, hơn nữa, do tính đa dạng,

tính đặc biệt của thực tiễn, của đời sống nhân loại và truyền thống lịch sử nên đã quyết định đến tính đa dạng, tính đặc biệt trong quan niệm và nguyên tắc. Trên thực tế, công lý vĩnh viễn không biến đổi và phổ quát mà chủ nghĩa tự do đề cập vốn không tồn tại. Do đó, các quy tắc của chủ nghĩa cộng đồng đưa ra trong các lĩnh vực cụ thể dưới những quy tắc cơ bản, thích hợp và phổ biến, cho rằng tồn tại nhiều kiểu công lý khác nhau mà không phải là một loại công lý, điều này tất nhiên sẽ càng có tính hợp lý hơn so với những quan điểm công lý của chủ nghĩa tự do.

4. Bản chất của công lý

Theo cách nhìn cơ bản của những người theo chủ nghĩa cộng đồng, công lý là quy tắc xã hội cơ bản trong quan hệ giữa người với người, nhưng trước tiên nó là phẩm chất đạo đức tốt của cá nhân. Phẩm chất đạo đức tốt mà chủ nghĩa cộng đồng nhắc tới chính là đức hạnh trong Thiên chúa giáo truyền thống gồm: trung thực, thành thật, hiền lành, hữu hảo, bác ái, khoan dung, cẩn thận, thông minh, dũng cảm, công bằng, chính trực, nhân đạo, trong sáng, yêu đất nước. Xuyên suốt những phẩm chất đạo đức này là tính lương thiện trong cộng đồng, hay chính là sự công bằng trong cộng đồng.

Trong lòng những người theo chủ nghĩa cộng đồng, cộng đồng chính là điều thiện, hơn nữa là một điều thiện tối cao. Cá nhân chỉ có thể thông qua cộng đồng thì bản thân của họ mới có ý nghĩa, cuộc sống của mình mới có giá trị. Có nghĩa là, giá trị của đạo đức cộng đồng cao hơn giá trị của đạo đức cá nhân; các yếu tố phi cá nhân như xã hội, lịch sử, truyền thống, toàn thể và mối quan hệ có ý nghĩa mang tính tất yếu và tính nền tảng trong đời sống lương thiện của nhân loại và quan niệm công lý của nhân loại. Một trong những điều kiện cơ bản tạo nên cộng đồng chính là các thành viên theo đuổi cái tốt đẹp chung dựa trên những phương thức riêng biệt, hoặc là theo đuổi lợi ích chung. Còn cái tốt đẹp cần đạt tới là cái tốt đẹp chung, đó chính là đạt tới công lý, theo đuổi cái tốt đẹp chung đối với cộng đồng cũng chính là theo đuổi công lý.

Trên thực tế, công lý đạo đức của MacIntyre là công lý chủ trương, tức là nhận thức về cái tốt đẹp chung của cộng đồng, đa số các đại biểu khác của chủ nghĩa cộng đồng đều có quan điểm về công lý giống như vậy. Walzer cho rằng, công lý chính là hiểu biết chung của các thành viên trong cộng đồng về ý nghĩa xã hội. Còn đối với Sandel thì cộng đồng có những ý nghĩa khác nhau, gồm: cộng đồng mang ý nghĩa là công cụ, cộng đồng mang ý nghĩa tình cảm, cộng đồng mang ý nghĩa cấu thành. Điều mà Sandel nhấn mạnh là cộng đồng cấu thành hay cộng đồng mang tính chất cấu thành. Cái gọi là cộng đồng mang tính chất cấu thành, tức là chỉ cộng đồng của các thuộc tính cá nhân, ở một mức độ nhất định tạo nên sự thừa nhận bản thân của các cá nhân. Cũng có nghĩa là, đặc trưng đầu tiên của cộng đồng mang tính chất cấu thành là sự thừa nhận của các thành viên đối với nó, nó phân chia các thuộc tính cơ bản của tư cách thành viên (Sandel, 1982, tr. 150). Trong cuốn sách *Communitarianism and Its Critics*,

Daniel Bell đã khái quát các loại hình của chủ nghĩa cộng đồng mang tính chất cấu thành, ông đưa ra ba loại hình cộng đồng gồm: Cộng đồng địa lí, cộng đồng tưởng tượng và cộng đồng tâm lí, trong đó, yếu tố cơ bản của cộng đồng tưởng tượng không phải là các khu vực địa lí mà là tính tâm lí đạo đức truyền thống chung về một cái tốt đẹp của cộng đồng trong sâu thẳm nội tâm, quy chuẩn hành vi của tư cách thành viên, vì lợi ích chung của cộng đồng (Daniel Bell, 1993, tr. 176).

M. Sandel cho rằng, “Nếu như phương thức hoạt động của một xã hội ăn khớp với nhận thức chung của các thành viên đã đạt được thông qua các chế độ và quy định thông thường của xã hội này thì xã hội này chính là công lý” (Daniel Bell, 1993, tr. 178). Cho nên, công lý không quyết định đến những thứ khác, mà quyết định đến nhận thức chung của các thành viên trong cộng đồng. Nếu như tất cả mọi người trong cộng đồng đều thừa nhận một kiểu sinh hoạt, đồng thời vẫn còn sở hữu kiểu sinh hoạt này, thì dù kiểu sinh hoạt này như thế nào, nó cũng là công lý, người khác không có quyền đánh giá và can thiệp vào cuộc sống của họ. Cuộc sống chung đối với thành viên cộng đồng là những thứ bên trong, tự thân khép kín, là biểu hiện về mặt ý nghĩa xã hội của cộng đồng của họ, người bên ngoài không thể hiểu được ý nghĩa xã hội của họ, vì vậy không thể đánh giá được sự công bằng hay bất công trong cuộc sống của họ.

Do đó, chúng ta có thể nói rằng, chủ nghĩa cộng đồng đã tạo nên lí luận công lý cộng đồng với tiêu chuẩn cơ bản là lợi ích chung hay cái tốt đẹp chung của cộng đồng. Đối với họ, công lý về cơ bản chính là nhận thức chung về lợi ích hay cái tốt đẹp chung của cộng đồng. Về tổng thể, cái tốt đẹp chung là cái chỉ lợi ích chung, giá trị chung, mục tiêu chung của cộng đồng trong toàn thể. Nó vừa là đạo đức, luân lí của xã hội, vừa là một loại lợi ích chung, do đó có thể phân chia thành hai hình thức cơ bản là vật thể và phi vật thể. Hình thức phi vật thể chủ yếu được thể hiện dưới dạng đạo đức và các loại mục đích, giá trị chung, còn hình thức vật thể là “lợi ích chung” mà chúng ta thường nhắc đến... Cái tốt đẹp chung chính là việc theo đuổi những thứ có giá trị, nó đòi hỏi sự hạn chế đối với những lựa chọn của cá nhân và mưu cầu tự do trong lối sống.

Chủ nghĩa cộng đồng xác định công lý là nhận thức chung của các thành viên trong cộng đồng, điều này có lẽ sẽ gặp phải một số khó khăn, đặc biệt là nếu như chúng ta vừa phải hiểu quần thể mạnh, lại phải lắng nghe âm thanh của quần thể bên rìa và quần thể yếu. Con người thường có bất đồng trong một số vấn đề, trong các vấn đề về bảo đảm sức khỏe mà Walzer tán thành hay ủng hộ tích cực các kế hoạch hành động hoặc phản đối, chính phủ nên phát huy vai trò như thế nào mới thỏa đáng, khiến cho chúng ta hay Walzer đặt mình vào những nhận thức chung bên trong cộng đồng, những bất đồng đang tồn tại và những suy tính mang tính phê bình của bản thân chúng ta sẽ thôi thúc chúng ta đi theo lập trường mang tính phổ biến và bớt hẹp hòi hơn (Will Kymlicka, 2001, tr. 384).

5. Nguyên tắc của công lý

Những người theo chủ nghĩa cộng đồng phản đối nguyên tắc phổ biến của chủ nghĩa tự do, họ đưa ra nguyên tắc phân phối cụ thể trong lĩnh vực cụ thể, và trong phương diện này ý kiến của họ không đồng nhất, Alasdair MacIntyre kiên trì với những tiêu chuẩn đồng thuận về cái cần có, còn Michael Walzer và Miller lại đề xuất tiêu chuẩn phân phối đa thực thể.

MacIntyre cho rằng, lí luận công lý trong chủ nghĩa tự do hiện đại, giống như lí luận công lý của John Rawls và Robert Nozick có một điểm chung, là “đều không để lại vị trí nền tảng, thậm chí là bất kì vị trí nào trong những lời xét hỏi có liên quan đến công lý và bất công” (MacIntyre, 1984, tr. 249).

John Rawls cho rằng, các loại công lý phổ biến đều sẽ liên kết công lý và sự cần thiết lại với nhau, tuy nhiên, ông chủ trương, ngoại trừ những công lý là quy tắc mà chúng ta đã trình bày rõ, kết quả đều trở thành vấn đề, không phải là cái cần thiết, mà chỉ là những kì vọng hợp pháp. Robert Nozick cũng không loại trừ quan niệm này. MacIntyre cho rằng, “hệ thống công lý của hai ông ấy với nền tảng là quyền lực, không thể lưu lại bất cứ vị trí nền tảng nào cho những điều cần có” (MacIntyre, 1984, tr. 250). Lí luận công lý của họ đều không xem xét đến các vấn đề của cái cần thiết, bởi vì quan niệm cái cần thiết chỉ có thể tồn tại trong cộng đồng, tức là con người có một nhận thức chung đối với cái tốt đẹp cá nhân và cái tốt đẹp của cộng đồng, còn mỗi cá nhân đều đối chiếu với những cái tốt đẹp này để xác định lợi ích của mình; tuy nhiên trong dân chúng của John Rawls và Robert Nozick đều không sử dụng khái niệm cộng đồng ở trong khái niệm cái cần thiết.

Bản chất của công lý nằm ở chỗ làm thế nào để xử lí các mối quan hệ lợi ích, trong quá trình xử lí các mối quan hệ lợi ích này, cái nên có sẽ đóng vai trò là một tiêu chuẩn quan trọng, hơn nữa, việc phân phối những thứ nên có liên quan tới thân phận của một người và ưu khuyết điểm của anh ta/cô ta. Theo MacIntyre, “công lý chính là một kiểu sắp xếp cho mỗi người - bao gồm bản thân anh ta - những thứ anh ta cần có và các phương thức họ cần có, không tương thích, đối xử với họ” (MacIntyre, 1988, tr. 39).

Quan niệm công lý truyền thống có một bộ phận là quan niệm liên quan đến cái cần có hoặc nghĩa vụ đối với mỗi người, tuy nhiên, không có một cộng đồng cùng chia sẻ thì cũng không có tiêu chuẩn cần có chung. MacIntyre đã trình bày, giải thích rõ về quan niệm của cái cần có. Ông nói rằng, quan niệm về công lý là dựa vào công trạng và cái cần có để định nghĩa, trong một xã hội có trật tự, tiêu chuẩn cần có có thể được thực hiện một cách hiệu quả, mỗi người và mỗi kiểu hành vi trong thực tế đều phải phù hợp với cái cần có của anh ta, đều phải phù hợp với công trạng, một người bị đối xử một cách sai lầm chính là bị người khác cố ý hoặc không nên làm hại, còn một người gặp may là người bị làm hại một cách ngẫu nhiên, sửa khuyết điểm chính là khôi phục, làm mới theo tiêu chuẩn cần có, phân phối thích hợp theo trình tự sự vật.

Tuy nhiên, dựa theo tiêu chuẩn cần có để tiến hành phân phối rất có thể sẽ xuất hiện tính đa dạng trong tiêu chuẩn cần có. Ví dụ, tiến hành so sánh như thế nào giữa cái cần có của binh sĩ tốt và cái cần có của nông dân tốt, nếu như không thể biến thành tự đánh giá tương đối và tiêu chuẩn cần có tương đối, vậy thì con người không thể cùng hướng tới cái phân phối công bằng phổ biến và nhận thức chung về công bằng, công bằng và tính hợp pháp của nó sẽ trở thành vấn đề.

MacIntyre chỉ rõ thêm, một tiêu chuẩn cùng hướng tới là cái có thể, tính khả năng này chỉ có thể thực hiện trong một cộng đồng tiêu chuẩn, tức là “thành viên của nó dựa vào kiểu hoạt động theo hình thức rập khuôn để tạo nên cuộc sống của họ, mục tiêu đặc biệt của hoạt động này là, bên trong bản thân nó có thể tổng hợp lại hoạt động thực tiễn của tất cả các thành viên, nhằm sáng tạo và duy trì hình thức sinh hoạt đó với vai trò là mục tiêu đặc biệt, trong cuộc sống với hình thức như vậy, con người có thể cùng hướng tới cái thiện trong thực tiễn của mỗi cá nhân (MacIntyre, 1988, tr. 33 - 34). Sự hiểu biết của MacIntyre về công lý và tiêu chuẩn phù hợp của nó đều được kết nối với cộng đồng mà nó thuộc về. Ông tin rằng trong cộng đồng con người, quan niệm về sự xứng đáng liên quan đến việc đóng góp vào sứ mệnh chung của cộng đồng trong việc theo đuổi lợi ích chung có thể cung cấp cơ sở cho những phán xét về đức hạnh và công lý.

Đối với Walzer, tất cả các phân phối công bằng hay không phải nhìn vào ý nghĩa xã hội của các sản phẩm trong các lĩnh vực đặc thù. Do đó, ông chủ trương, việc thực hiện phân phối công bằng cần lấy sản phẩm xã hội làm xuất phát điểm.

Walzer khái quát nó thành 06 đối tượng lớn trong quan niệm phân phối công bằng: (1) Tất cả sản phẩm mà phân phối công bằng quan tâm đều là sản phẩm xã hội, đó chính là ý nghĩa xã hội của sản phẩm mà không phải là cái tốt nghiêng về cá nhân. “Một người tách rời cộng đồng dường như không thể thấu hiểu hàm ý của sản phẩm và nghĩ ra điều đáng yêu của sản phẩm hay nguyên nhân khiến cho người ta chán ghét” (Walzer, 1984, tr. 7). Sản phẩm có ý nghĩa khác nhau trong xã hội khác nhau, sản phẩm khác nhau với cùng một nguyên nhân mà được coi trọng, hoặc ở chỗ này được quý trọng nhưng ở chỗ khác lại chẳng có giá trị. (2) Phương thức sở hữu và sử dụng sản phẩm. Vì phương thức liên tưởng và sáng tạo của con người khác nhau cho nên xuất hiện những đặc trưng cụ thể, sau đó sở hữu và sử dụng sản phẩm xã hội. Con người thường xem xét vấn đề trong một mối quan hệ nhất định, từ lúc sinh ra, họ chính là sự kéo dài của lịch sử, điều này không chỉ thể hiện trong mối quan hệ với người khác, mà còn thể hiện trong thế giới vật chất và đạo đức mà họ sống ở trong đó. Do đó, “trạng thái ban đầu” của Rawls thuần túy là một giả thiết vô nghĩa, còn “Quyền lực tuyệt đối” của Robert Nozick chính là tiền đề lí luận vô căn cứ. (3) Định vị ý nghĩa sản phẩm. Walzer nói tiếp, tạm không bàn tới quyền lợi cá nhân và tất cả những thứ con người ý thức được về con người và thời đại, tức là những sản phẩm

thiết yếu, ví dụ như thực phẩm, ở những thời đại và những nơi khác nhau sẽ mang ý nghĩa khác nhau. Bánh mì là nhu cầu duy trì sự sống, cũng đại diện cho thân thể của chúa Giêsu và là tượng trưng của ngày Xaba. Trong hoàn cảnh bình thường, con người sẽ coi cái đầu tiên là ý nghĩa quan trọng trước tiên của bánh mì. Tuy nhiên, trừ tượng hóa những ý nghĩa này, nó sẽ trở nên vô nghĩa. Do đó, sẽ không tồn tại sản phẩm duy nhất vượt qua toàn bộ thế giới tinh thần và thế giới vật chất trong tương tượng. (4) Các yếu tố quyết định phân phối. Walzer nhấn mạnh, tiêu chuẩn và việc bố trí phân phối không phải là cái tốt đẹp của bản thân cố hữu, mà có mối liên hệ với ý nghĩa xã hội của cái thiện, điều đó hàm ý rằng sản phẩm quyết định tới vận động của sản phẩm. Tất cả phân phối công bằng hay không công bằng đều có sự tương quan với ý nghĩa xã hội của cái tốt đẹp ở nơi đó và trong lúc đó, trong xã hội này được cho là công bằng, trong xã hội khác lại có tiêu chuẩn ngược lại. Do đó, chỉ cần một xã hội trung thành với những nhận thức chung của các thành viên mà không ép buộc cuộc sống thực chất, xã hội này chính là xã hội công bằng. (5) Yếu tố biến động của phân phối. Ý nghĩa xã hội mang tính lịch sử, do đó, phân phối bao gồm phân phối công bằng và phân phối không công bằng, nó thay đổi theo sự chuyển dịch của thời gian. Ví dụ xã hội có giai cấp được cho là xã hội công bằng, Plato đã hiểu như vậy về công bằng, nhưng hiện tại thì con người đều đã thừa nhận rằng xã hội có giai cấp là xã hội bất công. Trên thực tế, những thứ được cho là quan niệm phổ biến và cái tốt đẹp của bản thân, chẳng qua là cái tốt đẹp mang tính lịch sử lí tính mà thôi. (6) Thuộc tính cơ bản của phân phối. Sau khi xác định ý nghĩa xã hội của sản phẩm, phân phối buộc phải là phân phối tự chủ, tức là mỗi kiểu điều tốt trong xã hội hoặc mỗi nhóm sản phẩm đều cấu thành nên một lĩnh vực phân phối, chỉ có một vài sắp xếp và tiêu chuẩn riêng biệt ở trong đó mới là phù hợp. Đưa nguyên tắc phân phối của một lĩnh vực này vào một lĩnh vực khác, sẽ dẫn tới những điều không thích hợp hoặc bất công. Ví dụ, từ thiện có thể sử dụng trong lĩnh vực cứu trợ xã hội, nhưng sử dụng trong lĩnh vực thương mại và lĩnh vực thị trường lại là việc không sáng suốt. Tuy nhiên, ý nghĩa xã hội không được xác định hoàn toàn rõ ràng trong bất cứ xã hội nào, những sự việc xảy ra trong lĩnh vực phân phối này sẽ ảnh hưởng tới sự việc trong lĩnh vực phân phối khác, phần lớn chúng ta chỉ có thể theo đuổi sự tự chủ tương đối. Sự “*tự chủ tương đối*” này chính là nguyên tắc cơ bản của phân phối.

Do đó, theo quan điểm này, công lý xã hội không phải xuất phát từ quyền lợi cá nhân, mà được xây dựng trên nền tảng hiểu biết chung của những người trong cộng đồng riêng biệt. Nếu như công lý là vật cấu thành nhân loại, thì khi nói rằng, nó chỉ được sinh ra với một phương thức nhất định là điều đáng nghi ngờ. Bản thân nguyên tắc công lý rất đa dạng về mặt hình thức. Cái tốt đẹp trong xã hội khác nhau do những nguyên nhân khác nhau, căn cứ vào quá trình khác nhau, do những người khác nhau có liên quan tiến hành phân phối, nên những cái khác nhau này đều đến từ sự am hiểu

khác nhau đối với bản thân cái tốt đẹp trong xã hội, tức là cái tốt đẹp trong xã hội là sản phẩm tất yếu trong sự phát triển đặc thù của lịch sử và văn hóa. Nội dung phân phối của Walzer cũng đa dạng, ông cho rằng bất cứ thứ gì có ích hoặc có giá trị đều là sự tốt đẹp, còn bất cứ sự tốt đẹp nào cũng đều tồn tại vấn đề về phân phối. Thực ra, không phải tất cả mọi sự tốt đẹp đều liên quan đến phân phối công bằng, chỉ có sự tốt đẹp có liên quan đến quyết định chính trị và chế độ chính trị như nhau mới liên quan đến phân phối công bằng. Một vài sở hữu sự tốt đẹp là hành vi cá nhân, thì không đề cập tới phân phối công bằng. Theo Walzer, tiêu chuẩn phân phối là đa thực thể (đa nguyên) nếu quá ưu tiên cũng sẽ dẫn tới chủ nghĩa tương đối.

Dựa vào nhận thức chung của cộng đồng, lĩnh vực khác nhau sẽ có những quy tắc công bằng khác nhau, điều này hình thành nên quan điểm công lý đa nguyên. Theo Walzer, vấn đề cơ bản trong lý luận chính trị chính là các loại vật chất và tài nguyên xã hội như: quan chức, của cải, danh dự, giáo dục, y tế, tư cách thành viên, an toàn,... cần được phân phối như thế nào.

Nguyên tắc phân phối bắt nguồn từ ý nghĩa xã hội của sự vật. Còn ý nghĩa xã hội có những thuộc tính lịch sử của nó, do đó, phân phối công bằng hay không công bằng sẽ thay đổi theo sự biến đổi của thời gian. Hiểu một cách ngắn gọn, trong lý luận của ông, phân phối công bằng là mang tính tương đối với ý nghĩa xã hội của một cộng đồng đặc thù nào đó, tài nguyên xã hội khác nhau cần tiến hành phân phối theo những lí do khác nhau, trình tự khác nhau và với những người khác nhau (Walzer, 1984, tr. 6).

Mỗi tài nguyên trong xã hội đều có quy chuẩn về nguyên tắc công bằng của bản thân nó, nhưng quy chuẩn này mang tính tự chủ trong các lĩnh vực khác nhau. Theo ông, trong thế giới vật chất và đạo đức không tồn tại nguyên tắc công bằng có thể xuyên suốt trong nó, có nghĩa là không tồn tại nguyên tắc công lý thích hợp phổ biến (Walzer, 1984, tr. 5). Mỗi lĩnh vực xã hội đều có những sản phẩm phân phối riêng biệt của nó, sản phẩm thường bao hàm tiêu chuẩn phân phối liên quan đến bản thân nó, tiêu chuẩn sản phẩm đó chính là công lý. Ví dụ, tiêu chuẩn phân phối trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe y tế là cần thiết, trong lĩnh vực tiền tệ và thương mại có thể tự do trao đổi, giáo dục tiểu học trong lĩnh vực giáo dục là bình đẳng, trong giáo dục cao đẳng, đại học là khả năng nhận ưu đãi. Ông cho rằng, phân phối trong mỗi lĩnh vực cụ thể đều không thể đạt tới công bằng tuyệt đối theo những tiêu chuẩn mà bản thân nó xây dựng lên, thường có một số người sẽ nhận được nhiều ưu đãi hơn tiêu chuẩn hiện có so với một số người khác. Tuy nhiên, mỗi người đều không chỉ hoạt động trong lĩnh vực đơn nhất, đều phải liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau, do đó, chỉ cần duy trì nghiêm ngặt giới hạn giữa các lĩnh vực khác nhau, không để ưu thế trong một lĩnh vực này chuyển hóa thành ưu thế trong lĩnh vực khác, vậy thì mỗi người đều có khả năng bị tổn thất trong một số lĩnh vực, còn lại sẽ nhận được ưu đãi trong một số lĩnh vực khác, hình thành nên kết quả có được có mất, cuối cùng cũng đạt được “bình đẳng phức hợp”

trong bất bình đẳng. Do đó, vấn đề mấu chốt của công bằng nằm ở chỗ gìn giữ sự phân chia giữa các lĩnh vực khác nhau trong xã hội và sự độc lập của các lĩnh vực, nhằm phòng ngừa sự “kiểm soát” của một vài lĩnh vực tới một vài lĩnh vực khác.

Trong lý luận công lý của Walzer, khái niệm ý nghĩa xã hội đóng vai trò nền tảng. Phân phối công bằng có liên quan đến cái thiện được phân phối, giá trị của sự tốt đẹp được quyết định bởi giá trị của chúng trong đời sống vật chất và tinh thần con người, tức là ý nghĩa xã hội mang tính đặc thù của văn hóa, văn hóa khác nhau có sự thấu hiểu khác nhau đối với sự tốt đẹp tương đồng, do đó, phân phối công bằng là tương đối về mặt ý nghĩa xã hội. Quan điểm này sẽ nảy sinh hai vấn đề: Một là chúng ta có lí do hay không để đánh giá phân phối công bằng trong các nền văn hóa khác nhau có tồn tại những tiêu chuẩn xuyên văn hóa khiến chúng ta phải phê bình hoặc thừa nhận một kiểu chế độ và thực tiễn văn hóa khác; và hai là con người cần phải có một sự thấu hiểu chung hay không, áp bức, bóc lột đều có thể được coi là công bằng như chế độ nô lệ, chỉ cần tất cả các thành viên trong xã hội chấp hành chế độ này, có sự thấu hiểu chung đối với nó, hoặc chỉ cần các nô lệ thừa nhận chế độ này, thì chế độ nô lệ là chế độ công bằng. Tuy nhiên, điều này đi ngược lại với những nhận thức chính trị cơ bản của chúng ta, có liên quan đến địa vị của con người trong xã hội, trong xã hội nô lệ, một vài người nào đó khi sinh ra đã có thứ bậc thấp hơn, và hiển nhiên đó là điều bất công.

Walzer cho rằng, hàm ý cơ bản của bình đẳng mang ý nghĩa tiêu cực, chủ nghĩa bình đẳng xét về nguồn gốc của nó là một loại chính kiến chủ nghĩa bỏ đi. Nó không loại bỏ những sai biệt toàn bộ, mà loại bỏ những cái sai riêng biệt, và loại bỏ những cái sai trong những thời gian và địa điểm khác nhau. Mục tiêu của nó thường là đặc quyền quý tộc, tài sản chủ nghĩa tư bản, quyền lực quan chức, chủng tộc hay tính ưu việt về giới tính được xác định rõ ràng. Do đó, bình đẳng trong quan điểm của chủ nghĩa bình đẳng chỉ là bài trừ những bất bình đẳng riêng biệt nào đó, điều này không những không thể loại bỏ những bất bình đẳng trong xã hội, ngược lại có thể mang lại sự bất bình đẳng lớn hơn hoặc nhiều hơn. Ví dụ: Trong lịch sử châu Âu, hủy bỏ đặc quyền quý tộc, nhưng không hủy bỏ hoàn toàn quyền bầu cử - thứ tài sản bất công quyết định về mặt chính trị, kết quả kéo theo là sự chênh lệch giàu nghèo càng rộng và càng sâu sắc. Walzer tổng kết rằng, xét về mặt con chữ, bình đẳng được hiểu là lí tưởng dễ bị phản bội. Những nam giới và nữ giới hiến dâng vì nó, phong trào giành lại bình đẳng một khi được tổ chức, việc phân phối quyền lực, chức vụ và tầm ảnh hưởng giữa họ sẽ đi ngược lại bình đẳng. Do đó, Walzer cho rằng, bình đẳng đơn giản là không thể thực hiện được, và ông đưa ra một loại “bình đẳng phức hợp”, loại bình đẳng phức hợp này theo đuổi một xã hội bình đẳng mà không chỉ là phân chia bình đẳng.

Walzer cho rằng, một xã hội đối xử bình đẳng với tất cả mọi người về các mặt gồm: quyền lợi, tài sản, cơ hội, tài nguyên, trình độ, phúc lợi thì có thể thực hiện một

xã hội bình đẳng. Đối với quan điểm bình đẳng đơn nhất này, Walzer chỉ ra rằng, nguyên nhân dẫn đến mọi người yêu cầu phải loại bỏ khác biệt về chính trị và xã hội không phải là nguyên nhân tồn tại quý tộc và dân nghèo hoặc quan chức và dân thường, mà là việc khinh rẻ của quý tộc đối với dân nghèo, quan chức với dân thường, kẻ nắm quyền với người không có quyền. Tuy nhiên, chúng ta không cần loại bình đẳng đơn giản này, hơn nữa nó cũng không thể thực hiện được. Do nhiều nguyên nhân chủ quan, khách quan mà con người thể hiện ra phong thái, tính cách và tài năng riêng biệt của mình, họ lần lượt giỏi làm lãnh đạo, kinh doanh, biện luận, vận động, biểu diễn, nghiên cứu,... hơn nữa mức độ giỏi của họ cũng hoàn toàn khác nhau, điều này đã quyết định đến những sản phẩm của họ trong các lĩnh vực xã hội khác nhau cũng không bình đẳng, đồng nhất, do đó, trong nhiều lĩnh vực phân phối cũng đều không bình đẳng.

Ngược với bình đẳng đơn giản, một kiểu mô hình chính thể tốt cùng chính là chuyên chế tàn bạo. Tiêu chí quan trọng của chuyên chế tàn bạo chính là mưu tính tiến hành thống trị ngoài phạm vi của mình. Cả hai phẩm chất cá nhân và sản phẩm xã hội đều có lĩnh vực hoạt động của riêng mình, chúng hoạt động hiệu quả và thích hợp trong lĩnh vực này, nhưng nếu như sử dụng nó trong lĩnh vực khác, sẽ xâm phạm đến lợi ích của một vài cộng đồng khác, từ đó tạo nên kiểu chuyên chế tàn bạo. Chính thể tàn bạo với hình thức cao nhất, tức là chủ nghĩa cực quyền hiện đại, chính là phủ định ranh giới giữa lĩnh vực đời sống và nhiều cái tốt đẹp của xã hội cần tách rời thì thực hiện nhất thể hóa và điều chỉnh mang tính hệ thống. Phải đột phá những giới hạn và khiếm khuyết trong bình đẳng đơn giản, phòng trừ chuyên chế tàn bạo, Walzer chủ trương chỉ có sức xây dựng xã hội bình đẳng phức hợp. Bình đẳng ở đây hoàn toàn không giống với bình đẳng đơn giản, nó không phải là khiến cho mỗi người ngang nhau chiếm hữu cái tốt đẹp của xã hội, mà là chủ trương duy trì sự sai biệt và yêu cầu cái tốt đẹp trong xã hội cần tiến hành phân phối một cách khác biệt. Cũng có nghĩa là, kiểu chế độ phân phối này không mưu tính khiến cho tất cả cái tốt đẹp bình đẳng hóa, mà là tìm cách bảo đảm bất bình đẳng trong một “phạm vi”, giống như tài sản sẽ không kéo dài tới phạm vi khác như chăm sóc sức khỏe, quyền lực chính trị. Địa vị của công dân trong một lĩnh vực hoặc trong một lợi ích xã hội sẽ không bị tổn hại do địa vị của anh ta trong một lĩnh vực khác hoặc trong lợi ích xã hội khác.

Thuyết bình đẳng phức hợp của Walzer trái ngược với bình đẳng đơn giản, và chắc chắn là có tính hợp lý hơn, nhưng quan niệm bình đẳng này yêu cầu kẻ vạch ranh giới giữa các lĩnh vực phân phối, vậy tiêu chuẩn phân định là gì. Trên thực tế, việc phân phối giữa các lĩnh vực trong xã hội có sự giao thoa, đan xen với nhau, lấy thị trường làm ví dụ, bất cứ thứ gì cũng được thị trường phân phối theo nguyên tắc trao đổi tự do, nhưng không hẳn có thể nhìn thấy ngay được. Cho dù các mặt tốt đẹp trong xã hội có tính độc lập tương đối, nhưng điều quan trọng hơn cả là chúng có sự liên hệ qua lại

với nhau, chẳng hạn, như tri thức có thể được chuyển hóa thành tiền bạc và quyền lực, đó là việc chính đáng, cũng là phần không thể thiếu của sự tiến bộ xã hội. Cách tư duy của Walzer về bình đẳng phức hợp có thể được hiểu là, có một số người nắm giữ ưu thế về mặt tài chính, có những người lại vượt trội về mảng nghệ thuật, và chẳng có ai là tài giỏi ở mọi lĩnh vực. Như vậy, lợi thế hoặc bất lợi của một người trong một lĩnh vực nào đó sẽ bị những lợi thế hoặc bất lợi trong lĩnh vực khác triệt tiêu, do đó, tất cả mọi người đều bình đẳng. Đây là một bức tranh tương lai lí tưởng hóa, trong hiện thực lại thường tương phản với những gì anh ta tưởng tượng, người sở hữu quyền lực chính trị cũng chính là người sở hữu nhiều tiền bạc và học vị cao hơn. Do đó, quan điểm bình đẳng phức hợp của Walzer là công lý, tuy không phải là hiện thực.

Xét từ góc độ của công lý đa nguyên, Miller thẳng thắn đối mặt với hoàn cảnh khó khăn của hiện thực, và cố gắng đi theo con đường công lý có thể định hướng cụ thể hành vi của con người. Ông không hứng thú với việc mô tả khái niệm và những suy luận mang tính logic về công lý. Ông tin rằng “từ Plato đến Rawls đưa ra những lí luận trừu tượng về công lý” (David Miller, 2001, tr. 283), trong khi những gì chúng ta muốn theo đuổi là thứ có thể cho thấy được hoạt động hành vi của nhân loại, hình thành nên sự theo đuổi công lý mang tính đạo đức. Ông đã chỉ ra rằng, “do yêu cầu mà công lý đặt ra cho chúng ta vẫn còn tồn tại những yếu tố không xác định và sự bất đồng”, làm thế nào “để có thể đưa công lý trở thành đạo đức tốt đẹp trong xã hội, cho chúng ta biết sắp đặt những mối quan hệ, hành động với nhau thế nào thì được coi là chính đáng”, làm thế nào “để có thể đạt được sự thống nhất về nhận thức theo yêu cầu mà công lý đã đặt ra, khiến cho mỗi người đều cảm thấy được rằng yêu cầu hợp pháp của họ đã được đáp ứng”, làm thế nào “để thuyết phục mọi người sử dụng nguyên tắc của nó để điều chỉnh lương tâm mang tính trực giác của họ” mới là mục tiêu mà lí luận về chính nghĩa của Miller đã đặt ra. Ông viết rằng, bất kể công lý đòi hỏi gì đi nữa, nhưng ít nhất là trong bối cảnh của thời đại chung, “yêu cầu tối thiểu cho công lý đòi hỏi sự nhất quán trong việc đối xử giữa các cá nhân và tập thể. Cho dù tiêu chuẩn chính xác của việc đối xử công bằng được vận dụng có là gì - đòi hỏi, xứng đáng, bình đẳng,... hai người bất kì nào có điểm tương tự với nhau về xu hướng lương tâm nhất định sẽ được đối xử theo cách thức giống nhau, đây là yêu cầu cơ bản” (David Miller, 2001, tr. 93). Miller cho rằng, bản danh sách sơ bộ về lợi ích cần có tiền bạc, hàng hóa, công việc, công chức, giáo dục, y tế, quỹ cứu trợ nhi đồng, chăm sóc trẻ em, vinh dự và giải thưởng, an toàn cá nhân, nhà ở, di dời và những lúc rảnh rỗi. Sở dĩ những yếu tố này nhận được sự quan tâm của xã hội vì đó là những vật phẩm có giá trị, sự phân loại của những yếu tố này phụ thuộc vào sự vận hành của chế độ xã hội. Dù vẫn còn tồn tại những quan điểm cá nhân trái chiều, nhưng chỉ khi chúng ta giả định sự tồn tại của nhận thức chung rộng rãi về giá trị xã hội của các loại vật phẩm, dịch vụ, cơ hội trong một phạm vi nhất định thì quan niệm về công bằng xã hội mới có ý nghĩa.

Miller xuất phát từ các dạng thức của quan hệ xã hội để tìm kiếm nguyên tắc công bằng mang tính cơ bản mà có thể gắn với việc phân phối chỉ đạo trong một hoàn cảnh xã hội cụ thể. Trên cơ sở giả lập một quốc gia có biên giới, Miller đã chia các dạng thức quan hệ của nhân loại thành ba loại hình cơ bản, gồm: Cộng đồng đoàn kết, liên minh về mặt công cụ và thân phận công dân, ba dạng thức quan hệ của nhân loại này lần lượt tương ứng với ba kiểu nguyên tắc công bằng chủ đạo khác nhau. Trong một cộng đồng đoàn kết, nguyên tắc cần thiết là nguyên tắc đầu tiên để đạt được sự công bằng trong phân phối. Trong tập đoàn kiểu công cụ, nguyên tắc xứng đáng là nguyên tắc phân phối chính, còn giữa những người có quan hệ công dân như nhau, bình đẳng là nguyên tắc phân phối đầu tiên.

Miller thừa hưởng lí luận về hoàn cảnh xã hội và nguyên tắc xã hội của MacIntyre, và áp dụng hoàn cảnh xã hội vào việc theo đuổi các nguyên tắc công bằng xã hội, hình thành một quan điểm về công bằng với hoàn cảnh xã hội độc đáo và phong phú. Ông đánh giá rất cao sự theo đuổi của Walzer về sự bình đẳng hỗn hợp và lập luận về công lý đa nguyên. Tuy nhiên, ông không đồng tình với việc Walzer tìm kiếm nguyên tắc công bằng xuất phát từ hàng hóa xã hội, bởi vì cách làm này dễ rơi vào chủ nghĩa tương đối. Do ông xuất phát từ dạng thức quan hệ của nhân loại, tìm kiếm nguyên tắc công bằng mang tính cơ bản mà có thể gắn với phân phối chỉ đạo trong hoàn cảnh xã hội cụ thể. Lí luận về công lý của Miller bắt nguồn từ hiện thực, đi sâu vào hoàn cảnh xã hội cụ thể, vì thế ít có những yếu tố mang tính trừu tượng, mà ngược lại có nhiều yếu tố mang tính hiện thực hơn.

6. Kết luận

Chủ nghĩa cộng đồng là một trong những trào lưu triết học tương đối nhỏ trong truyền thống triết học phương Tây, điều đó được chỉ ra bởi số lượng rất ít các học giả tự coi mình là những nhà cộng đồng chủ nghĩa. Tuy nhiên, ý tưởng về xã hội cộng đồng đã có lịch sử lâu đời, nó được tìm thấy trong các nền văn minh khác nhau, các tôn giáo khác nhau và từng bước được phổ biến rộng rãi. Đặc biệt vào những năm 80 của thế kỉ XX, các nhà cộng đồng chủ nghĩa đã phát động cuộc tranh luận sôi nổi nhằm chống lại các nhà triết học ủng hộ chủ nghĩa tự do về các vấn đề triết học chính trị. Trong suốt quá trình tranh luận kéo dài này, các đại biểu như Sandel, Etzioni, MacIntyre, Walzer,... đã từng bước xác lập một hệ thống các quan điểm lí luận triết học, chính trị học và đạo đức học mang sắc thái và bản sắc đặc trưng ở phương Tây, hình thành trào lưu triết học chủ nghĩa cộng đồng đương đại. Những quan điểm lí luận của trào lưu triết học này đã có những ảnh hưởng nhất định trong đời sống chính trị và xã hội ở phương Tây, đặc biệt là trong xã hội Mỹ, không ngừng mở rộng và phát triển, có vai trò và ý nghĩa tích cực trong nghiên cứu và thực tiễn vận hành các hệ thống chính trị hiện đại ngày nay.

Tài liệu tham khảo

1. Daniel Bell. 1993. *Communitarianism and Its Critics*. Published.
2. David Miller. 2001. *Principles of Social Justice*. Harvard University Press.
3. David Schmidtz and John Thrasher. 2014. "The Virtues of Justice" In K. Timpe and C. Boyd (eds.). *Virtues and Their Vices*. Oxford: Oxford University Press.
4. Deneulin. 2010. *Michael Sandel's Justice and Amartya Sen's Idea of Justice*. Oxford Development Studies.
5. John Rawls. 1971. *A Theory of Justice*. Cambridge: Harvard University Press.
6. MacIntyre. 1984. *After Virtue*. University of Notre Dame Press.
7. MacIntyre. 1988. *Whose Justice? Which Rationality?* Indiana: University of Notre Dame Press.
8. Michael J.Sandel. 1982. *Liberalism and the Limits of Justice*. Cambridge University Press.
9. Michael J.Sandel. 1984. *Liberalism and Its Critics*. New York University Press.
10. Michael J.Sandel. 2005. *Public Philosophy: Essays on Morality in Politics*. Harvard University Press.
11. Michael J.Sandel. 2010. *Justice: what's the right thing to do?* Straus and Giroux; Reprint edition.
12. Michael J.Sandel. 2017. *Phải trái đúng sai*. (Hồ Đắc Phương, dịch). Nxb. Trẻ.
13. Michael Walzer. 1984. *Spheres Of Justice: A Defense Of Pluralism And Equality*. New York: Basic Books.
14. Michael Walzer. 1984. *Sphere of Justice*. New York, Basic Books.
15. Michael Walzer, M. Dalyed. 1994. *Communitarianism: Anew Public Ethics*. Belmont, California: Wadsworth Publishing Company.
16. Paul Bloomfield. 2012. "Justice as a Self-Regarding Virtue". *Philosophy and Phenomenological Research*, 82(1): 46-64.
17. Paul Woodruff. 2018. *Growing toward Justice*. Oxford University Press.
18. Will Kymlicka. 2001. *Contemporary Political Philosophy*. Oxford University Press.